

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 350/2019/DS-PT
Ngày: 14-10-2019
V/v tranh chấp ranh giới quyền sử
dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Vững
Ông Huỳnh Thanh Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng
Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Bạch Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 344/2019/TLPT- DS ngày 31
tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2019/DS-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân
dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 367/2019/QĐPT-DS ngày 17 tháng 9
năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Cao Văn T, sinh năm 1964. (Có mặt)

1.2. Bà Đỗ Thị B, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Ấp Long Đ, xã Long T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

***- Người đại diện theo ủy quyền của bà B là ông Cao Văn T (theo văn bản ủy
quyền ngày 26/12/2014) (Có mặt).***

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho bà Đỗ Thị B, ông Cao Văn T có Luật sư Nguyễn Hoàng G, Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1919 (chết ngày 29/9/2017).

Đại chỉ: Ấp Long Đ, xã Long T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng* của bà D là bà Đỗ Thị Kh, sinh năm 1932; Địa chỉ: ấp Long B, xã Hòa L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của bà Kh là bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp Long Đ, xã Long T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 05/6/2019) (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp* cho bà Đỗ Thị Kh, bà Huỳnh Thị Kim H có Luật sư Trần Văn N, Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (Có mặt).

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1965. (Có mặt)

3.2. Ông Phạm Văn N, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt).

3.3. Anh Phạm Huỳnh G, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt).

3.4. Anh Phạm Huỳnh P, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt).

3.5. Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Long Đ, xã Long T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Cao Đỗ Hoài L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp Long Đ, xã Long T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền* của anh L là ông Đỗ Văn K, sinh năm 1969; Địa chỉ: Ấp Long Đ, xã Long T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 08/7/2013) (Có mặt).

3.7. Ủy ban nhân dân huyện L.

- *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Hữu N, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Quốc lộ 80, Khóm 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Bà Đỗ Thị Kh là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Cao Văn T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị B trình bày:

Hộ bà B được Ủy ban huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 50, tờ bản đồ số 70, diện tích 459,4m², (thửa cũ 2188, tờ bản đồ số 01, diện tích 570m²) loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm cấp ngày 26/10/2011.

Nguồn gốc đất là do cha của bà B tên Đỗ Văn Đ1 tặng cho bà vào năm 2006. Liên kề với phần đất của bà B là đất của bà Đỗ Thị D thuộc thửa số 747, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.412m². Trong quá trình sử dụng, ranh giới giữa phần đất của bà B và bà D không có vật gì làm mốc ranh giới. Năm 2006 ông Đ1 cho đất bà B thì có mời bà D đến để thỏa thuận ranh giới, giữa bà B và bà D đã thỏa thuận ranh và phía bà B có cắm 02 trụ đá núi ở hai đầu để phân biệt ranh giới giữa đất hai bên, cũng trên cơ sở ranh đất thỏa thuận nêu trên thì cơ quan chuyên môn tiến hành đo đạc và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà B, khi đo đạc bà D cũng đã ký tên xác định ranh giới của chủ sử dụng đất liên kề. Tuy nhiên hiện nay chỉ còn một trụ đá ở phía trước giáp Huyện lộ 30/4, còn trụ đá ở phía sau đã thất lạc không còn.

Nay bà B, ông T yêu cầu xác định ranh đất thửa số 50, tờ bản đồ số 70, diện tích 459,4m² (thửa cũ 2188, tờ bản đồ số 01, diện tích 570m²) của hộ bà B với thửa số 747, tờ bản đồ 01 của bà D là gồm các mốc M5 đến M10, bà B, ông T yêu cầu công nhận diện tích 85,9m² gồm các mốc M5, M6, M9, M10 thể hiện trên sơ đồ tranh chấp ranh đất ngày 21/01/2014 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L là thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà B.

Trường hợp xác định ranh đất theo yêu cầu của bà B, ông T thì bà D phải tự chặt đốn cây gáo vương vào ranh đất tranh chấp.

Trường hợp xác định ranh đất theo yêu cầu của bà D thì ông T, bà B sẽ tự chặt đốn cây nhãn của ông, bà trên đất tranh chấp, nhưng hiện nay, cây nhãn của bà B, ông T trên đất tranh chấp đã chết.

- Bị đơn bà Đỗ Thị Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đỗ Thị D ủy quyền cho bà Huỳnh Thị Kim H trình bày:

Bà D được Ủy ban huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 747, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.412m², loại đất ở nông thôn, cấp ngày 29/3/1994. Nguồn gốc phần đất trên là của cha bà D tên Đỗ Văn Đ2 để lại cho bà D sử dụng và bà D đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/1994. Quá trình sử dụng đất hai bên không có vật cố định làm mốc ranh giới, chỉ có cái mương giáp đất giữa hai bên làm ranh. Cái mương này trước đây chiều ngang khoảng 6m, chiều dài khoảng hơn 30m, hiện nay chiều ngang còn lại khoảng hơn 2m. Nguyên nhân là do Nhà nước làm đường đã lấp ở đầu ngoài và đầu trong bà D làm bờ kè ra khoảng 3m. Toàn bộ cái mương là thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà D. Ranh giới giữa phần đất của bà D và bà B là mí mương phía đất bà B và phía đất bà B có bờ tre làm ranh, bờ tre hiện vẫn còn. Tuy nhiên, do Nhà nước làm đường nên phía giáp đường lộ lấp đất ra khỏi mí mương cũ trước đây, ở phía trong thì bà D làm cái đập giữ nước ngang con mương nên cũng đắp đất ra khỏi mí mương phía đất bà B. Bà D xác định trụ đá phía trước giáp Huyện lộ 30/4 là do bà B cắm cách nay khoảng 10 năm nhưng phía bà D không đồng ý. Hiện nay trụ đá ở phía trước giáp Huyện lộ 30/4 vẫn còn. Tuy nhiên, trên phần ranh ông T, bà B xác định theo trụ đá nêu trên thì đã qua khỏi ống₃ bọng của hộ bà D đặt dưới đường huyện lộ

30/4 (đặt khoảng năm 2014) để dẫn nước tưới tiêu.

Nay bà H là người được bà Kh ủy quyền không đồng ý theo yêu cầu của bà B, ông T. Bà H xác định ranh đất giữa hộ bà D và hộ bà B là từ mốc M6 đến M9 thể hiện trên sơ đồ tranh chấp ranh đất ngày 21/01/2014 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Đối với diện tích 85,9m² gồm các mốc M5,M6,M9,M10 thể hiện trên sơ đồ tranh chấp là thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà D.

Trường hợp xác định ranh đất theo yêu cầu của hộ bà B hoặc xác định ranh đất theo yêu cầu của hộ bà D thì cây gáo của bà D và cây nhãn của bà B, ông T trên đất tranh chấp đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, bà H không yêu cầu gì cả. Tuy nhiên hiện nay, cây nhãn của bà B, ông T trên đất tranh chấp đã chết.

Tại phiên tòa bà H xác định trường hợp xác định ranh đất theo yêu cầu của hộ bà B thì đã qua khỏi ống bọng dẫn nước của hộ bà D đặt dưới huyện lộ 30/4 để dẫn nước tưới tiêu, nhưng bà H không yêu cầu hộ bà B cho sử dụng đường nước.

Bà H rút lại yêu cầu phản tố theo đơn yêu cầu ngày 22/4/2013.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Anh L ủy quyền cho ông Đỗ Văn K trình bày: Thống nhất lời trình bày và yêu cầu của bà B, ông T.

+ Ông N, anh G, anh P, chị T thống nhất lời trình bày của bà H.

+ Ủy ban nhân dân huyện L có văn bản trình bày:

Ủy ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 50, tờ bản đồ số 70, diện tích 459,4m² (thửa cũ 2188, tờ bản đồ số 01, diện tích 570m²) loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, cấp ngày 26/10/2011 cho hộ bà Đỗ Thị B và thửa số 747, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.412m², loại đất ở nông thôn, cấp ngày 29/3/1994 cho hộ bà Đỗ Thị D là đúng theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Tuy nhiên, khi cấp đất cho hộ bà D là cấp theo bản đồ 299 không có đo đạc thực tế. Ranh giới giữa đất bà B và đất của bà D được xác định theo thửa đất. Nguyên nhân diện tích thực tế các thửa đất bị giảm so với diện tích cấp giấy là do chênh lệch diện tích giữa hai lần đo và do sạt lở bờ sông.

Diện tích đất tranh chấp 85,9m² Ủy ban đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, việc cấp cho ai và thuộc thửa đất nào đề nghị Tòa án thẩm định thực tế để xác định Ủy ban không có yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2019/DS-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án huyện L tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn T và bà Đỗ Thị B.

- Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 50, tờ bản đồ số 70, diện tích 459,4m² (thửa cũ 2188, tờ bản đồ số 01, diện tích 570m²) loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, cấp ngày 26/10/2011 cho hộ bà Đỗ Thị B và thửa số 747, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.412m², loại đất ở nông thôn, cấp ngày 29/3/1994 cho hộ bà Đỗ Thị D

(người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà D là bà Đỗ Thị Kh) là gồm các mốc M5, M10. Theo đó, hộ bà Đỗ Thị B được tiếp tục sử dụng diện tích 85,9m² gồm các mốc M5, M6, M9, M10 thể hiện trên sơ đồ tranh chấp ranh đất ngày 21/01/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai) huyện L, (có sơ đồ tranh chấp ranh đất ngày 21/01/2014 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L kèm theo).

Theo ranh giới xác định nêu trên, trường hợp cây gáo của hộ bà D lấn qua phần đất của hộ bà B thì tự chặt đốn hộ bà B không phải bồi thường.

Các bên hộ bà Đỗ Thị B và hộ bà Đỗ Thị D (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D là bà Đỗ Thị Kh) có quyền và nghĩa vụ sử dụng ranh giới quyền sử dụng đất đã được xác định nêu trên theo chiều thẳng đứng từ mặt đất lên trên không gian theo quy định của pháp luật về ranh giới quyền sử dụng đất.

Đình chỉ yêu cầu của ông Cao Văn T và bà Đỗ Thị B yêu cầu hộ bà D bồi thường thiệt hại số tiền 395.000đ.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị D theo đơn yêu cầu ngày 22/4/2013.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Kh, bà Huỳnh Thị Kim H, ông Phạm Văn N, anh Phạm Huỳnh G, anh Phạm Huỳnh P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Do bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 100.000đ ngày 26/7/2013 theo biên lai số 15787 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Sau khi khấu trừ vào tiền án phí, bà Đỗ Thị Kh, bà Huỳnh Thị Kim H, ông Phạm Văn N, anh Phạm Huỳnh G, anh Phạm Huỳnh P còn phải nộp tiếp 200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Cao Văn T và bà Đỗ Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 248.000đ ngày 01/01/2012 theo biên lai số 002409; 153.000đ ngày 17/6/2013 theo biên lai số 009927; 100.000đ ngày 22/9/2014 theo biên lai số 025873 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản bà Đỗ Thị Kh, bà Huỳnh Thị Kim H, ông Phạm Văn N, anh Phạm Huỳnh G, anh Phạm Huỳnh P nộp 934.000đ để hoàn trả lại cho ông T, bà B.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Ngày 05/6/2019 bà Đỗ Thị Kh có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, bà yêu cầu cấp phúc thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên là đoạn thẳng từ mốc M6 đến mốc M9 là con mương gia đình bà đang sử dụng, con mương này có tên con mương bà D là địa danh có từ lâu đời và xem xét miễn phần án phí.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà H đại diện theo ủy quyền cho bà Kh yêu cầu giữ nguyên hiện trạng con mương cho gia đình bà sử dụng, vì con mương này là của ông Đ2 sử dụng có cách nay trên 70 năm.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ranh

giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 50, tờ bản đồ số 70, giữa bà Đỗ Thị B, ông Cao Văn T và thửa số 747, tờ bản đồ số 01 của bà Đỗ Thị D (người kế thừa quyền và nghĩa vụ là bà Đỗ Thị Kh) là gồm các mốc M5, M10. Hộ bà Đỗ Thị B được tiếp tục sử dụng diện tích 85,9m² gồm các mốc M5, M6, M9, M10.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Kh, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hiện trạng con mương và xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ bà D và hộ bà B là từ mé con mương gồm các mốc A, B, C, D, E theo sơ đồ đo đạc ngày 25/9/2019 và xem xét miễn tiền án phí cho bà Kh vì bà là người cao tuổi.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà Kh, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hiện trạng con mương cho hộ bà D do bà Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng được quyền sử dụng theo các mốc A, B, C, D, E.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà B, ông T yêu cầu xác định ranh đất thửa số 50, tờ bản đồ số 70, diện tích 459,4m² (thửa cũ 2188, tờ bản đồ số 01) của hộ bà B với thửa số 747, tờ bản đồ 01 của hộ bà D là gồm các mốc M5 đến M10, bà B, ông T yêu cầu công nhận diện tích 85,9m² gồm các mốc M5, M6, M9, M10 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

Bà Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D xác định ranh giới quyền sử dụng là mốc M6, M9, riêng diện tích tranh chấp 85,9m² gồm các mốc M5, M6, M9, M10 là con mương gia đình bà D đang sử dụng, theo địa danh con mương này có tên con mương bà Hai D là địa danh có từ lâu đời.

[2] Sau khi án sơ thẩm xử bà Kh có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm xử giao con mương cho bà B, ông T sử dụng, vì con mương này là của gia đình bà D sử dụng đã có từ lâu đời nhằm để phục vụ cho mục đích tưới tiêu, bên bà B, ông T không có sử dụng con mương này và bà cũng xác định ranh giới quyền sử dụng đất là từ mốc M6 đến mốc M9, Tòa án cấp sơ thẩm giao con mương cho bà B, ông T thì gia đình bà không còn con mương nào để sử dụng cho mục đích tưới tiêu vì phía trước Huyện lộ

30/4 cha bà và bà cũng đã làm đường ống cống dẫn nước vào khu vườn phía sau để tưới tiêu, bà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng con mương theo sơ đồ đo đạc ngày ngày 25/9/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất của hộ bà B là do cha của bà B tên Đỗ Văn Đ1 tặng cho bà B vào năm 2006. Trong quá trình sử dụng, ranh giới giữa phần đất của bà B và bà D không có vật gì làm mốc ranh giới.

Bà B, ông T cho rằng năm 2006 cụ Đ1 cho đất cho bà B thì có mời bà D đến để thỏa thuận xác định ranh giới, giữa bà B và bà D đã thỏa thuận ranh và phía bà B có cắm 02 trụ đá ở hai đầu để phân biệt ranh giới giữa thửa đất hai bên. Bà H đại diện theo ủy quyền của bà Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D xác định: Nguồn gốc phần đất của hộ bà D là của cha bà D tên Đỗ Văn Đ2 để lại cho bà D sử dụng và bà D đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/3/1994, sau đó bà D đã tặng cho quyền sử dụng đất lại cho bà H. Trong quá trình sử dụng đất hai bên không có vật cố định làm mốc ranh giới, chỉ có con mương giáp đất giữa hai bên làm ranh. Toàn bộ con mương là thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà D. Ranh giới giữa phần đất của hộ bà D và bà B là từ mé mương phía đất bà B và phía đất bà B có bờ tre làm ranh, bờ tre hiện vẫn còn. Bà D xác định trụ đá phía trước giáp Huyện lộ 30/4 là do bà B tự cắm cách nay khoảng 10 năm nhưng phía bà D không đồng ý và đã có xảy ra tranh chấp.

[3] Theo xác nhận của Ban nhân dân ấp Long Đ và của Ủy ban xã Long T ngày 30/5/2019 và qua lời khai của ông Đỗ Văn B, ông Đỗ Thành T là những người ở gần nhà bà B, ông T, bà D xác định: Con mương này là của ông Đ2 là cha của bà D đào để sử dụng cho mục đích dẫn nước vào ruộng, hiện nay là vườn đã có từ trước năm 1945, phía trước ông có đặt đường cống ngang lộ để dẫn nước vào con mương này, địa danh con mương này là con mương có tên bà Hai D, hiện tại phía trước giáp Huyện lộ 30/4 ông Đ2 có đặt đường cống để dẫn nước cho đến khi ông Đ2 giao lại phần đất này cho bà D sử dụng. Đến năm 2016 do Nhà nước mở rộng Huyện lộ 30/4 để làm lộ nhựa, bà D đã thay đổi hệ thống cống đường kính khoảng 0,5m để sử dụng tưới tiêu cho phần vườn thuộc thửa 746 phía sau nhà bà D, đường cống này vẫn giữ nguyên vị trí cũ mà cha bà D đã đặt trước đây, hiện nay hộ bà D cũng đã làm hệ thống ống dẫn nước giáp phần đất vườn cây ăn trái phía sau nhà để sử dụng cho mục đích tưới tiêu.

Theo biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Long T vào ngày 10/7/2012 giữa các bên đương sự, thì tại buổi hòa giải ông Đ1, bà B điều trình bày con mương này là của bà D đang trực tiếp sử dụng và qua kiểm tra thực tế phần con mương này chạy thẳng vào hết phần đất vườn cây ăn trái của bà D, phía trước và phía sau đều có bụi tre do ông Đ1 trồng hiện nay vẫn còn, hai bụi tre này theo bà H xác định là bụi tre ranh, vì thực tế giáp con mương này là bờ.

Theo sơ đồ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cung cấp thể hiện con mương gia đình bà D đang sử dụng là các đoạn thẳng được xác định từ mốc A,B,C,D,E là phần tiếp giáp phần đất của hộ bà B, ông T, án sơ thẩm xử giao toàn bộ con mương có diện tích 85,9m² cho hộ bà B, ông T sử dụng là chưa có căn cứ, vì nếu giao con mương này cho bà B, ông T sử dụng, thì hộ bà D không có đường nước nào khác để sử dụng cho phần đất vườn cây ăn trái phía sau nhà, vì thực tế đường cống dẫn nước

phía trước đường Huyện lộ 30/4 bà D đang trực tiếp sử dụng, đường công dẫn nước này gia đình bà D đã đặt để dẫn nước vào ruộng tưới tiêu đã có từ lúc ông Đ2 là cha của bà D còn sống và cho đến khi giao lại cho bà D, con nương hiện tại đã có trên 70 năm, do đó việc sử dụng con nương của hộ bà D nhằm mục đích phục vụ cho việc tưới tiêu vườn cây ăn trái đã có từ lâu, nên xét yêu cầu kháng cáo của bà Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng cho bà D là có căn cứ, vì vậy, cần phải giữ nguyên hiện trạng con nương cho hộ bà D được tiếp tục sử dụng. Hiện tại con nương án sơ thẩm xác định từ mốc M5, M6, M9, M10 theo sơ đồ tranh chấp ngày 21/01/2014 là chưa chính xác, vì theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L cung cấp cho Tòa án vào ngày 25/9/2019 thì phần con nương đang tranh chấp là các đoạn thẳng chạy dài theo ranh giới thửa đất mà các bên đang tranh chấp, con nương này được thể hiện bởi các mốc A,B,C,D,E.

Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 50, tờ bản đồ số 70 giữa hộ bà Đỗ Thị B, ông Cao Văn T và thửa số 747, tờ bản đồ số 01 với hộ bà Đỗ Thị D do bà Đỗ Thị Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D là mốc M5 đến mốc M10 và giao cho hộ bà Đỗ Thị B, ông Cao Văn T được tiếp tục sử dụng diện tích 85,9m² gồm các mốc M5, M6, M9, M10 theo sơ đồ tranh chấp ngày 21/01/2014 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L là chưa có căn cứ. Do đó, xét yêu cầu kháng cáo của bà Kh yêu cầu được giữ nguyên hiện trạng con nương và xác định ranh giới phần đất giữa hai bên theo các mốc A,B,C,D,E và giao cho bà được sử dụng con nương này là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Kh, sửa bản án sơ thẩm.

Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Kh không phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định pháp luật.

Do không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên đương sự phải chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Luật sư là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Kh, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hiện trạng con nương và xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hộ bà D và hộ bà B là từ mé con nương gồm các mốc A,B,C,D,E theo sơ đồ đo đạc ngày 25/9/2019 và xem xét miễn tiền án phí cho bà Kh vì bà là người cao tuổi. Xét đề nghị của Luật sư là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà Kh, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hiện trạng con nương cho hộ bà D do bà Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng được quyền sử dụng theo các mốc A,B,C,D,E theo sơ đồ đo đạc ngày 25/9/2019. Xét lời đề nghị của Kiểm sát Viên là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ

ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị Kh.
 2. Sửa bản án sơ thẩm số: 26/2019/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L.
 3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn T, bà Đỗ Thị B.
 - Giữ nguyên hiện trạng con mương cho hộ bà Đỗ Thị D do bà Đỗ Thị Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D được quyền sử dụng.
 - Ranh giới quyền sử dụng đất giữa thửa số 50, tờ bản đồ số 70 giữa hộ bà Đỗ Thị B, ông Cao Văn T và thửa số 747, tờ bản đồ số 01 giữa hộ bà Đỗ Thị D (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà D là bà Đỗ Thị Kh) gồm các mốc A,B,C,D,E theo sơ đồ đo đạc ngày 25/9/2019 được duyệt ngày 10/10/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.
 - Ranh giới quyền sử dụng đất được xác định từ lòng đất lên không gian theo chiều thẳng đứng, tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được tháo dỡ, di dời theo quy định của pháp luật.
- (Kèm theo sơ đồ đo đạc ngày 25/9/2019 được duyệt ngày 10/10/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện L).
- Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, điều chỉnh diện tích quyền sử dụng đất theo bản án đã tuyên đúng theo quy định của pháp luật.
4. Đình chỉ yêu cầu của ông Cao Văn T, bà Đỗ Thị B yêu cầu hộ bà D bồi thường thiệt hại số tiền 395.000đ.
 5. Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị D theo đơn yêu cầu ngày 22/4/2013.
 6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Cao Văn T, bà Đỗ Thị B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 248.000đ ngày 01/10/2012 theo biên lai số 002409; 153.000đ ngày 17/6/2013 theo biên lai số 009927; 100.000đ ngày 22/9/2014 theo biên lai số 025873, sau khi khấu trừ ông T, bà B được nhận lại 201.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

- Bà Đỗ Thị Kh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đỗ Thị D không phải chịu tiền án phí sơ thẩm, bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí (do bà H đã nộp thay) số tiền 100.000đ ngày 26/7/2013 theo biên lai số 15787 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ông Cao Văn T, bà Đỗ Thị B phải nộp 934.000đ (ông T, bà B đã tạm ứng và đã chi xong).

8. Án phí phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Kh không phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0001593 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội